

Bản án số: 77/2026/HS-ST
Ngày 15 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hồng và ông Nông Văn Cánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng (Cơ sở 2: xóm 6, xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng) đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 57/2026/TLST-HS ngày 26/3/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST-HS ngày 02/4/2026 đối với bị cáo:

Hoàng Văn N; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 30 tháng 3 năm 1985 tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Văn H (sinh năm 1962) và bà Triệu Thị R (sinh năm 1962); Vợ: Hoàng Thị B (sinh năm 1985) và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 27/02/2025 bị Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Ngày 06/10/2021 bị UBND xã P áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 06/10/2021 do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T, Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt)

* *Bị hại*: Chị Hoàng Thị Ngọc B, sinh năm 1997; trú tại: Xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1985; (Có mặt)
2. Chị Trương Thị H, sinh năm 1993. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26/01/2026, Hoàng Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11Z1-8700 đi từ xóm L, xã Đ, tỉnh Cao Bằng về nhà tại xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Khi đi qua nhà sát thóc của gia đình anh Triệu Văn K, sinh năm 1994, trú tại xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng, do không có việc làm và thiếu tiền tiêu xài, thấy xung quanh không có ai và biết vợ chồng anh K, chị B có kinh doanh mặt hàng gạo nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N dừng xe tại lề đường bên phải theo hướng xóm L đi xóm B, cách nhà sát thóc của anh K khoảng 100 mét, rồi đi bộ ra phía sau nhà sát thóc. N dùng tay bẻ miếng tôn vách tường nhà sát thóc tạo thành khe hở đủ người chui vào. Sau khi vào trong nhà, N dùng vỏ bao tải dứa để che mặt rồi lần lượt lấy trộm 02 bao tải dứa đựng gạo mang ra ngoài qua khe hở mà N đã tạo nên. Sau đó, N bê lần lượt 02 bao gạo lên xe mô tô (một bao để phía trước, một bao để phía sau) rồi mang đến nhà chị Trương Thị H, sinh năm 1993, trú tại xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng bán được số tiền 2.800.000 đồng. Đến sáng ngày 27/01/2026, N ra chợ T mua thuốc lá, rượu bia và các đồ ăn vật khác hết 1.000.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi đang trên đường về nhà đến đầu xóm B thì bị lực lượng Công an xã Đ mời lên trụ sở để làm việc và tạm giữ số tiền 1.800.000 đồng.

Hồi 11 giờ 35 phút ngày 27/01/2026, Cơ quan điều tra tiến hành tạm giữ tại nhà Trương Thị H 02 bao gạo (01 bao tải đỏ có trọng lượng 50kg và 01 bao có trọng lượng 30kg). Tổng trọng lượng 02 bao gạo là 80kg.

Ngày 28/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã Đ định giá đối với 02 bao gạo nếp có trọng lượng là 80kg. Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 04/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã Đ kết luận: tại thời điểm ngày 26/01/2026, 02 bao gạo nếp có trọng lượng là 80kg trị giá

2.773.333 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 86/CT-VKSKV3 ngày 26 tháng 3 năm 2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 đã truy tố bị cáo Hoàng Văn N ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Văn N thừa nhận Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 đã phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Mục đích bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là đem đi bán để có tiền tiêu xài cá nhân. Đối với 01 áo khoác màu đen, 01 quần màu đen và 01 đôi giày màu đen là đồ dùng mà bị cáo đã dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không yêu cầu trả lại; đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 11Z1 - 8700, nhãn hiệu HONDA Wave S màu sơn Đỏ - Xám - Đen là tài sản riêng của vợ bị cáo mua trước khi kết hôn nên yêu cầu trả lại cho vợ bị cáo; số tiền 2.800.000 đồng là tiền bị cáo bán gạo trộm cắp có được, bị cáo sẽ có trách nhiệm bồi thường khoản tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị B trình bày: Chị là vợ của bị cáo N. Chiếc xe máy mà Công an tạm giữ với chồng chị là tài sản riêng của chị mua trước khi kết hôn, chị không biết việc chồng chị sử dụng chiếc xe đi trộm cắp tài sản. Nay đề nghị được trả lại chiếc xe. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại Hoàng Thị Ngọc B trình bày: Chị giữ nguyên lời khai đã khai với cơ quan Công an, nay không có bổ sung gì thêm; 02 bao gạo mà bị cáo N lấy trộm của gia đình chị, Cơ quan Công an đã thu giữ được và trả lại cho chị nên chị không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường gì thêm. Về hình phạt, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị H trình bày: Nội dung sự việc liên quan đến chị như nội dung bản Cáo

trạng thể hiện, chị không biết 02 bao gạo mà chị mua với bị cáo N là do trộm cắp mà có. Chị vẫn giữ nguyên lời khai đã khai tại Cơ quan điều tra, nay không có bổ sung gì thêm. Chị yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho chị số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng), đây là số tiền mà chị đã trả cho bị cáo để mua gạo. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận định bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức khi thực hiện hành vi của mình nhưng vẫn cố tình phạm tội, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N từ 09 tháng tù đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 thùng cát tông đã được niêm phong, mặt trước ghi: “01 áo khoác màu đen, mặt trước có lô gô ghi chữ VGE.97, cổ tay áo và vạt áo sọc màu đen - trắng, hai bên hông áo màu đỏ; 01 quần màu đen và 01 đôi giày màu đen”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng 04 hình dấu tròn mực màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng.

Trả lại cho chị Hoàng Thị B, sinh năm 1985 (trú tại: xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng) 01 xe mô tô biển kiểm soát 11Z1 - 8700; loại xe: Hai bánh từ 50 - 175cm³; nhãn hiệu: HONDA; Số loại: Wave S; Màu sơn: Đỏ Xám Đen; Số khung: RLHHC12039Y095312; Số máy: HC12E1654831; Dung tích xi lanh: 97cm³; Năm sản xuất 2009; Số chỗ ngồi: 02. Xe đã qua sử dụng (kèm theo 01 chìa khoá xe; 01 bản cà số khung, số máy và phiếu trả lời xác minh xe).

Trả lại cho chị Trương Thị H, sinh năm 1993 (trú tại: xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng) số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn N phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị H, sinh năm 1993 (trú tại: xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng) số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, được trừ đi số tiền 1.800.000 đồng đã thu giữ của bị cáo N, nên bị cáo

N còn phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền còn lại là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị B không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu và phù hợp với vật chứng đã thu được của bị cáo Hoàng Văn N. Cụ thể: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26/01/2026 tại nhà xát thóc của gia đình anh Triệu Văn K và chị Hoàng Thị Ngọc B trú tại xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng, Hoàng Văn N đã có hành vi lấy trộm 02 bao gạo nếp có tổng trọng lượng 80kg, trị giá 2.773.333 đồng.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng

nhân dân. Bị cáo N nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo N trộm cắp tài sản có giá trị 2.773.333 đồng (hai triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Do đó, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 đã truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi trộm cắp của mình và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, khi quyết định hình phạt cần được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không có.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngày 27/02/2025, bị cáo bị Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 06/10/2021 bị cáo bị UBND xã P áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 06/10/2021 do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 15 tháng tù. Xét thấy mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử

xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: 01 áo khoác màu đen, 01 quần màu đen và 01 đôi giày màu đen đựng trong một thùng cát tông không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 11Z1 - 8700, nhãn hiệu HONDA Wave S màu sơn Đỏ - Xám - Đen là tài sản riêng của vợ bị cáo mua trước khi kết hôn, việc bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội chị B không biết nên cần trả lại cho chị B; đối với số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo N, đây là tiền bị cáo có được từ việc phạm tội, cần trả lại cho chủ sở hữu là chị Trương Thị H.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại chị Hoàng Thị Ngọc B xác nhận đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.800.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn N phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị H, sinh năm 1993 (trú tại: xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng) số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, được trừ đi số tiền 1.800.000 đồng đã thu giữ của bị cáo N, nên bị cáo N còn phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Thị H số tiền còn lại là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

[8]. Các nhận định khác: Đối với Trương Thị H, khi mua 02 bao gạo với bị cáo không biết là tài sản do trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với Trương Thị H là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn N là người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có đơn đề nghị miễn giảm án phí, trong đơn thể hiện, bị cáo đang cư trú tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, bị cáo được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và điều luật áp dụng: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 09 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/01/2026;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 thùng cát tông đã được niêm phong, mặt trước ghi: “01 áo khoác màu đen, mặt trước có lô gô ghi chữ VGE.97, cổ tay áo và vạt áo sọc màu đen - trắng, hai bên hông áo màu đỏ; 01 quần màu đen và 01 đôi giày màu đen”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng 04 hình dấu tròn mực màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng.

Trả lại cho chị Hoàng Thị B, sinh năm 1985 (trú tại: xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng) 01 xe mô tô biển kiểm soát 11Z1 - 8700; loại xe: Hai bánh từ 50 - 175cm³; nhãn hiệu: HONDA; Số loại: Wave S; Màu sơn: Đỏ Xám Đen; Số khung: RLHHC12039Y095312; Số máy: HC12E1654831; Dung tích xi lanh: 97cm³; Năm sản xuất 2009; Số chỗ ngồi: 02. Xe đã qua sử dụng (kèm theo 01 chìa khoá xe; 01 bản cà số khung, số máy và phiếu trả lời xác minh xe).

Trả lại cho chị Trương Thị H, sinh năm 1993 (trú tại: xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng) số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo.

Xác nhận số vật chứng trên đã chuyển sang Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cao Bằng tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/3/2026.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn N phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị H, sinh năm 1993 (trú tại: xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị B; vắng mặt bị hại Hoàng Thị Ngọc B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị H. Bị cáo Hoàng Văn N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị B có mặt có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại Hoàng Thị Ngọc B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3;
- Cơ quan điều tra - CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Cao Bằng (PV06);
- Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - CA tỉnh Cao Bằng (PC10)
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 - Cao Bằng;
- Công an xã Đ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Đ (Băng T/B);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

Bế Thị Thùy Linh